

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH TÙY SỐ DIỄN NGHĨA SAO

QUYỂN 4

DUYÊN THỨ HAI: là nơi chốn của việc thuyết giảng kinh (Y Xứ): Văn được chia làm bốn đoạn:

Một: Làm rõ tổng quát về đại ý.

Hai: Trình bày sự thuận, trái có từ trước.

Ba: Nêu các câu mang tính chất viên dung.

Bốn: Biện minh riêng về sự khác nhau của nơi chốn.

a) Trong đoạn một gồm ba ý: Thứ nhất: Xua trừ dấu vết để làm hiển lộ cái thật. Thứ hai: Nêu sự dung thông để làm rõ tính chất viên mãn. Thứ ba: Dựa vào nghĩa để kiến lập.

Thứ nhất: Đến câu “Nhưng chẳng phải là quốc độ”: Tức là xua trừ dấu vết để làm hiển lộ cái thật. Nghĩa là không còn chủ thể, đối tượng thì đâu còn Phật của chủ thể nương tựa và nơi chốn của đối tượng được nương tựa. Phẩm Phổ Hiền Tam muội nói:

*“Thân tướng Phổ Hiền như hư không
Nương chân an trụ, chẳng quốc độ”.*

Cũng là giả danh để nêu bày. Do chân không còn chủ thể, đối tượng, nên chẳng thể nương tựa.

Thứ hai: Số từ câu: “Huống chi vô số cõi cùng hội nhập” tiếp xuống: Là ý thứ hai, nêu sự dung thông để làm rõ tính chất viên. Không còn chỗ nương tựa cho chủ thể và đối tượng, thì đây hãy còn là chung cho hai giáo pháp Thật, Đốn.

Thật giáo, Đốn giáo hãy còn lia nơi chốn, huống hồ là đối với Viên giáo. Nói “Vô số cõi cùng hội nhập vào nhau”, tức như phần dưới: Nói về cái chung và cái hạn cuộc cùng thông hợp gồm hai loại bốn câu. Nói rằng “Nhiễm, tịnh cùng dung thông”, tức như phần tiếp xuống: Nói về cõi nhiễm, tịnh không ngăn ngại nhau, gồm hai loại bốn câu giải thích viên mãn. Từ chữ “Giáo” tiếp xuống là tổng kết về sự khó nghĩ

bàn.

Thứ ba: Sở từ câu: “Song chân chẳng phải là” tiếp xuống: Là ý thứ ba, dựa vào nghĩa để kiến lập. Chẳng hủy hoại tướng nên chẳng phương hại tới việc xác lập thời. Tuy nhiên, phần Chỉ Qui dựa theo nơi chốn, trước đã có nơi chốn, dựa vào đấy để thuyết giảng kinh, sau mới biện giải về Thời. Nhưng nhà làm Sở giải thì thuận theo thứ tự của sáu thứ thành tựu, trước biện minh về thời.

b) Sở từ câu: “Nhưng có ý kiến cho rằng” tiếp xuống: Là đoạn thứ hai, trình bày về sự thuận, trái đã có từ trước. Trong đó, trước là chính thức nêu bày, sau là tiếp theo phần trên, nêu quyết đoán.

- Nơi phần trước: Vị sư thứ nhất cho rằng: Đã có bảy xứ, chín hội, ba xứ thuộc cõi người, bốn xứ thuộc cõi trời, đều ở thế giới Sa-bà và trong Dục giới, nêu rõ là cõi uế. Vị sư thứ hai cho rằng, khi thuyết giảng Kinh này, thì thế giới Hoa Tạng hiện đủ sáu thứ chấn động. Lại nói, nơi đất thì bền chắc vì do kim cương tạo thành. Thế giới Sa-bà chỉ gồm những thứ đá núi non, há được như thế mà cho là cõi uế? Vị Sư thứ ba thì nói: Nên hợp hai kiến giải trên vì nó không ngăn ngại. Nghĩa là, cảm ứng theo thế giới Sa-bà thì đối nơi thế giới Hoa Tạng mà thấy Sa bà. Còn cảm ứng theo thế giới Hoa Tạng, thì đối nơi thế giới Sa-bà mà thấy Hoa Tạng. Cũng như nơi Phẩm Tịnh Độ, kinh Duy Ma, Phạm Vương Loa Kế nhìn thấy thế giới như cung trời tự tại, trong khi chỗ thấy của Tôn giả Thân Tử thì toàn là gò đồng, hầm hố. Phẩm Hoa Tạng có câu:

*“Vị như thấy đạo sư
Vô số sắc sai khác
Theo tâm hành chúng sanh
Thấy các cõi cũng vậy.”*

- Phần sau: Nêu quyết đoán. Nói: “Kiến giải sau cùng là gần với tông chỉ”, vả lại đã rõ cõi bao quát cả tính chất tịnh, uế. Tức là một câu trong hai loại bốn câu. Do chưa đạt tới chỗ huyền diệu tận cùng nên gọi là “gần với tông chỉ”.

c) Sở từ câu: “Tuy nhiên, nơi chốn của việc thuyết giảng kinh này” tiếp xuống: Là đoạn thứ ba, nêu các câu mang tính chất viên dung. Gồm ba ý: Một: Nêu lên cặp. Hai: Giải thích cả đôi. Ba: Lấy thô để so sánh với tế.

Một: Nêu lên cả cặp có thể nhận biết.

Hai: Sở từ câu: “Đầu tiên, trong tịnh, uế” tiếp xuống: Là giải thích cả đôi. Đầu tiên giải thích về nhiễm, tịnh, gồm hai loại bốn câu. Bốn câu của loại một: Lấy cõi gốc, cõi ngọn để dùng đối chiếu, thành bốn

câu. Thế giới Hoa Tạng là cõi gốc là cõi mà Đức Thế Tôn tu nhân, xưa kia đã trang nghiêm, thanh tịnh. Chủng loại của cõi, tức thế giới của đối tượng được giữ gìn là cõi ngọn, ứng hợp với chúng sanh hiện có. Nhưng cõi ngọn thì hẹp, cõi gốc thì rộng. Cõi ngọn thì chung cả tịnh, uế. Cõi gốc thì chỉ có tịnh. Như rộng hẹp cùng so sánh thì tự thuộc về cái chung và cái hạn cuộc. Nay bàn về tịnh, uế, nên chỉ chọn lấy ngọn trong cõi nhiễm. Hai câu trước có thể nhận biết. Câu thứ ba là biện minh cả đôi về gốc, ngọn, nên được gọi là cùng câu. Chẳng đồng với hai kiến giải trước, nói thế giới Hoa Tạng thì chẳng nói thế giới Sa Bà, nói Sa-bà thì không bàn về Hoa Tạng. Nay, cần biện minh, trong thế giới Hoa Tạng có Sa Bà, như trong một thành trì trang nghiêm, nêu ra một ngôi nhà nhỏ.

Ba câu nêu trên đều theo Sự để biện minh. Câu thứ tư chỉ dựa theo Lý để nêu bày. Nếu lý sự cùng so sánh, thì ba câu trước đều là ngọn. Câu thứ tư lại là gốc. Phẩm Hoa Tạng nói:

*“Biển thế giới Hoa Tạng
Cùng pháp giới không khác
Rất trang nghiêm thanh tịnh
An trụ nơi hư không...”*

- Số từ câu: “Lại, hoặc chỉ nói về nhiễm” tiếp xuống: Là bốn câu của loại hai, theo đây chọn lấy một cõi tức có bốn câu, bất kể là gốc ngọn, nhiễm tịnh. Nay chính dựa trên cõi nhiễm là thế giới Sa Bà, mà bàn về bốn câu. Tức ba câu trước là theo tính chất tịnh uế, thiếu, đủ. Một câu sau là theo hướng “Tướng dứt lý hiện”. Nếu nói theo căn cơ thì thấy nhiễm là thuộc hàng căn cơ kém thấy, tịnh là thuộc hàng căn cơ trội hơn. Nếu nói theo cả hai hạng người đều đồng thấy, thì thể của cõi là tự tại cho nên đều chẳng phải là nói theo căn cơ đốn ngộ, cũng chỉ là nói theo Thể của cõi đó vậy.

- Số câu: “Tiếp theo là biện minh về sự chung và hạn mức, gồm hai loại bốn câu”: Trước là nêu rõ, sau là giải thích.

Trong phần giải thích, thì bốn câu đầu luận theo một lớp dần trải khắp. Bốn câu sau là luận theo lớp lớp tầng tầng thâm nhiếp. Lại nữa, bốn câu trước là theo việc lấy người đối chiếu nơi chốn để bàn về cái chung và cái hạn mức. Bốn câu sau chỉ dựa theo việc nói về nơi chốn để luận về cái chung và cái giới hạn. Trong đoạn trước, hai câu đầu chỉ theo tướng mà nêu:

Một là: Bảy xứ thuyết giảng kinh ở cõi này.

Hai là: Các cõi trong mười phương đều thuyết giảng.

Ba là: Lấy tướng theo tánh, tức một có thể biến hiện khắp. Như nơi phẩm Quang Minh Giác có đoạn: “Như ở xứ ấy thấy Phật, Thế Tôn, an tọa nơi tòa sư tử của Liên Hoa Tạng. Trong tất cả các thế giới khắp mười phương, đều có trăm ức cõi Diêm-phù-đề, trăm ức đức Như Lai, cũng an tọa như vậy.” Đây là nêu rõ một hội tức biến hiện khắp hết thảy, chẳng phải là chỉ nơi chốn ấy mới riêng có Phật.

Bốn là: Quy về lý bình đẳng.

Nơi bốn câu sau, thì câu một là theo “môn dung nạp rộng khắp” (Quảng Dung môn): Sự được hàm chứa nơi lý, sự lý không ngăn ngại, nên khiến một cõi theo lý có thể thu tóm hết thảy. Câu hai là theo “Môn biến hiện khắp” (Phổ biến môn), tức sự như lý biến hiện khắp, khiến một cảnh giới ấy, theo chỗ nương tựa nơi lý mà hội nhập vào tất cả các cõi. Câu ba là (Dung nạp rộng khắp tức là biến hiện khắp”, tức chính lúc thu tóm thì liền có thể hội nhập, do hai môn ấy không khác nhau về Thể. Câu bốn là “Môn diệt mất đồng bình đẳng”, tức trong pháp giới đều chẳng thể nắm bắt được.

- Số câu: “Lại dùng một hạt bụi để so sánh về cõi, cũng có bốn câu”: Là ý thứ ba (của đoạn c) dùng cái thô để so sánh cái vi tế. Văn được nêu dẫn như đã nói rõ trong phần “Y, chánh dung thông” ở trước.

d) Số từ câu: “Nếu từ hẹp đến rộng lược làm rõ về mười nghĩa” tiếp xuống: Là đoạn thứ bốn (của duyên thứ hai: Y xứ), biện minh riêng về sự khác nhau của nơi chốn. Văn được chia làm sáu: Một là nêu số. Hai là, từ câu: “Sơ thử” (đầu tiên...) tiếp xuống: Nêu bày giải thích. Ba là: Từ câu “Nhiên thượng” (Nhưng...) tiếp xuống: Tổng kết. Bốn là: Từ câu “Như nói về mười Trụ” tiếp xuống: Giải thích chỗ vướng mắc. Năm là: Từ câu “Đồng với các Phật khác” tiếp xuống: Theo chỗ vấn nạn mà nêu rõ trở lại. Sáu là: Từ câu “Lại, mười xứ nêu trên” tiếp xuống: Dung hợp chung mười nghĩa.

Trong Phần hai (Nêu bày giải thích): Về mười tên gọi, so với phần Chỉ Quy thì có một ít điểm không giống nhau. Phần Chỉ Quy nói: “Một là cõi Diêm-phù-đề này. Hai là biến hiện khắp trăm ức. Ba là tận cùng mười phương. Bốn là biến hiện khắp vô số các nẻo. Năm là chung cho các cõi khác. Sáu là bao quát vô số các cõi. Bảy là quy về giới Hoa Tạng. Tám là, thu tóm các cõi lần nữa. Chín là như lưới báu của Đế Thích. Mười là đồng với cõi Phật còn lại.

Nay phần Số giải sở dĩ không giống với phần Chỉ Quy, là do chỗ quy về thế giới Hoa Tạng, tức cũng như trước nói về tính chất tịnh, nhiệm không ngăn ngại, nên không lập ra. Văn của phần Chỉ Quy nêu:

“Sự tận thì lý hiện” tức là tướng nhiễm dứt hẳn. Ở mục thứ sáu “Bao quát vô số các cõi” (Sát trần) thì cùng với mục thứ tư: “Biến hiện khắp vô số các nẻo” (Trần đạo) đều nói về trần cả. Sự thâm tóm trong mục thứ bảy, mục thứ tám: Thâu tóm lại các cõi, cũng là nói về cõi Hoa Tạng, nơi mỗi mỗi hạt bụi đều thâu tóm biến cõi còn lại, cũng không khác với mục thứ sáu: bao quát vô số các cõi. Do đấy nên lược bớt mà thêm vào nơi các mục bốn, năm, sáu để thành mười nghĩa. Đây cũng là ở trong chỗ Số giải tóm lược của đại sư Hiền Thủ, ý lấy từ phẩm Quang Minh Giác, tham khảo mà sử dụng.

- Số câu: “Như phẩm lên núi Tu Di”: Văn này là chứng cứ cho lời nói bảy xứ thuyết giảng kinh mà biến khắp pháp giới. Văn của kinh viết: “Bấy giờ, đức Thế Tôn không rời khỏi tất cả cảnh giới nơi gốc cây Bồ-đề, mà lên núi Tu Di, hướng tới cung điện của Đế Thích”... cho đến đoạn “Mười phương thế giới đều cũng như thế.” Kệ tán của Bồ tát Pháp Tuệ có đoạn:

*“Tất cả Diêm-phù-đề
Đều nói Phật ở đấy
Chúng con nay thấy Phật
Trụ nơi đỉnh Tu di
Mười phương cũng như thế
Như Lai lực tự tại” ...*

Cả hai đều là văn nói về sự biến hiện khắp pháp giới. Bảy xứ đều như vậy. Nhưng trong phần văn chỉ nói về ba bậc Hiền nơi ba cõi Trời. Nói “chẳng khởi mà biến hiện khắp”, ý nghĩa như phần dưới sẽ giải thích.

- Số câu: “Như Phẩm Quang Minh Giác”: Đây là chứng cứ về trăm ức biến hiện khắp pháp giới, đều có một cõi cùng loại. Nói “cùng loại” tức là cùng có: Núi Tu Di, biển lớn, núi Thiết Vi, bốn châu, hai mươi tám cõi Trời. Mỗi thứ đều có trăm ức, nên gọi là cùng (đồng). Đoạn kinh ấy nêu: “Vô số lượng vô biên vô đẳng, chẳng thể đếm, chẳng thể nêu, chẳng thể nghĩ, chẳng thể lường, chẳng thể nói hết, số lượng thế giới hiện có nơi pháp giới, cõi hư không như thế. Các phương Nam Tây Bắc, bốn hướng trên dưới, cũng lại như vậy. Trong mỗi mỗi thế giới ấy, đều có trăm ức cõi Diêm-phù-đề, cho đến trăm ức cõi trời Sắc Cứu cánh, ở đấy mọi thứ thấy đều hiện rõ. Nơi mỗi mỗi cõi Diêm-phù-đề kia, đều thấy đức Như Lai an tọa trên tòa sư tử thuộc Liên Hoa Tạng, với số lượng Bồ tát nhiều như số hạt bụi nơi mười cõi Phật cùng vây quanh. Vì chọn lấy chỉ là cõi Diêm-phù-đề, nên gọi là “trăm ức”. Chọn

lấy tiếp xuống các loại khác, nên cho là một cõi cùng loại.

- Số câu: “Ba là biến hiện khắp cõi các loại với những hình tướng của cây cối v.v...”: Hai nghĩa trước đều giải thích sơ lược. Tám nghĩa sau chỉ nêu danh mục mà thôi. Nhưng nói vân vân (đẳng) là chọn lấy hình tướng chuyển quanh về các sông suối v.v... Trong kinh nêu ra hai mươi hình tướng. Kết thúc có: số lượng các loại khác nhiều như số hạt bụi trong số lượng các cõi Phật chẳng thể nói, chẳng thể nêu hết được. Nơi mỗi mỗi dòng chảy đều biến hiện khắp mười phương pháp giới như hư không, cùng với cõi Tu Di ở trước đều hỗ tương, không ngăn ngại, trong ấy, đều chuyển pháp luân này.

- Số câu: “Bốn là biến hiện khắp chủng loại của cõi”: Trước đã biện minh về khác loại, còn nêu rõ khác loại trong trăm ức. Nay mới biện minh về chủng loại của cõi. Song ngôn từ nơi loại khác tuy chung cho thế giới Hoa Tạng, nhưng ngôn từ thì chung mà ý thì riêng. Nói “Biến hiện khắp chủng loại của cõi”, tức chọn lấy cái hơn hết trong vô biên hào quang sáng tỏ, vi diệu, trong biển nước hương, tỏa chiếu khắp mười phương, rực rỡ nơi chủng loại thế giới Bảo Quang Minh, trong đó, thu tóm số lượng thế giới nhiều như số hạt bụi nơi trong hai mươi lớp cõi Phật. Kết thúc có: số lượng thế giới nhiều như số hạt bụi nơi số lượng cõi Phật chẳng thể nói hết, trong ấy hiện bày khắp, và hiện tại đức Tỳ Lô Giá Na cũng hiện khắp trong đó.

- Số câu: “Năm là biến hiện khắp thế giới Hoa Tạng”: Nghĩa là biến hiện khắp một cõi Hoa Tạng, có các chủng loại thế giới, số nhiều như số hạt bụi nơi mười lần chẳng thể nói về cõi Phật đã nêu ở trước, đều đã là chỗ trang nghiêm thanh tịnh của đức Như Lai tu nhân, luôn ở trong ấy để diễn nói giáo pháp.

- Số câu: “Sáu là biến hiện khắp các cõi còn lại, hoặc chủng loại, hoặc cõi”: Tức ngoài thế giới Hoa Tạng là mười phương không gián đoạn, tận cùng biển cõi của pháp giới, sánh như Hoa Tạng. Như nơi phẩm Hiện Tướng thuộc quyển thứ sáu kinh Hoa Nghiêm, nói: “Phía đông biển thế giới Hoa Tạng, có biển thế giới tên là Thanh Tịnh Quang Liên Hoa Trang Nghiêm. Phương Nam tên: Nhất Thiết bảo Nguyệt Quang Minh Trang Nghiêm Tạng... Phương Tây tên: Khả Ái Lạc Bảo Quang Minh Phương Bắc tên: Tỳ Lương Liên Hoa Quang Viên Mãn Tạng. Đông Bắc tên: Diêm-phù-đề Kim Pha Lê Sắc Tràng. Đông Nam tên: Kim Trang Nghiêm Lưu Ly Quang Phổ Chiếu Tây Nam tên: Nhật Quang Biến Chiếu Tây Bắc tên: Bảo Quang Biến Diện. Phương dưới tên Liên Hoa Hương Diệu Đức Tạng Phương trên tên là: Ma Ni Bảo

Chiếu Diệu Trang Nghiêm.” Đoạn kết nói: “Số lượng ấy nhiều như số hạt bụi trong mười ức cõi Phật.”

- Số câu: “Bảy là biến hiện khắp vô số cõi nơi sáu loại đã nêu trước” Tức sáu đoạn của phần nêu trước, mỗi là một loại. Các cõi đã nêu trên ấy đều do hạt bụi tạo nên. Trong mỗi mỗi hạt bụi đều có cõi Phật, đức Như Lai ở nơi cõi trong hạt bụi kia thuyết giảng kinh. Phẩm Hoa Tạng nêu:

*“Số bụi nơi thế giới Hoa Tạng
Trong mỗi hạt bụi thấy pháp giới”.*

Pháp giới hãy còn thấy hướng chi là cõi! Lại nói:

*“Nơi mỗi hạt bụi, cõi khó lường
Theo tâm chúng sanh đều trụ riêng”.*

Lại viết:

*“Như nơi hội này thấy tòa Phật
Trong hết thủy trần cũng thấy thế...”*

Văn dẫn chứng chẳng phải là một.

- Số câu: “Tám là, tận cùng cõi hư không, dung nạp nơi chốn của mỗi mỗi đầu sợi lông, đều có vô biên biến cõi:” ở đây chẳng bàn về số hạt bụi của việc tạo thành các cõi, chỉ nói đến nơi chốn của số hạt bụi được dung chứa, gồm cả hư không. Như khoảng không ở giữa của hai cõi không có vật, cũng là nơi chốn của số hạt bụi được dung chứa, nay chọn lấy sự biến hiện khắp pháp giới như cõi hư không, có cõi không cõi, có bụi không bụi, hễ có thể có nơi chốn của số hạt bụi được dung nạp, tức là có vô biên tất cả các cõi đồng loại, khác loại, đức Như Lai ở nơi ấy luôn chuyển pháp luân. Phần tụng nơi phẩm A-tăng-kỳ, có câu:

*“Các cõi có nơi đầu sợi lông
Số ấy vô lượng chẳng thể nói
Đầu sợi lông khắp cõi hư không
Mỗi mỗi xứ, cõi đều như thế.”*

Lại nói:

*“Các quốc độ nơi đầu sợi lông
Vô lượng chủng loại khác nhau trụ
Có cõi khác loại chẳng thể nói
Có cõi đồng loại chẳng thể nói
Xứ nơi đầu lông chẳng thể nêu
Đều có cõi tịnh chẳng thể nêu
Chủng loại trang nghiêm chẳng thể nói
Vô số kỳ diệu chẳng thể nói.”*

Văn dẫn chứng như thế là rất nhiều.

Nhưng nói “ở trong ấy thuyết pháp”: Tức như đoạn tụng tiếp theo viết:

*“Nơi mỗi xít ở đầu sợi lông
 Nêu danh hiệu Phật chẳng thể nói
 Phát âm thanh diệu chẳng thể nói
 Chuyển chánh pháp luân chẳng thể nêu
 Ở trong mỗi mỗi pháp luân ấy
 Giảng Tu-đa-la chẳng thể nêu
 Trong mỗi mỗi Tu-đa-la ấy
 Phân rõ pháp môn chẳng thể nêu
 Ở trong mỗi mỗi pháp môn ấy
 Lại giảng các pháp chẳng thể nói
 Trong mỗi mỗi các pháp như thế
 Giáo hóa chúng sanh chẳng thể nói”.*

- Số câu: “Chín là giống như lưới báu của Đế Thích”.

Nơi mỗi mỗi hạt bụi kia đều đã thâm tóm vô biên biển cõi. Tức nơi cõi ấy lại có vô số hạt bụi, và trong các hạt bụi đó lại có biển cõi. Vậy là cõi, cõi bất tận, thế giới thế giới không cùng, như lưới báu nơi cung điện của Đế Thích tầng tầng lớp lớp. Vì trùng trùng, điệp điệp, nên chẳng thể nói về hạn lượng, mức độ. Mà đức Tỳ Lô Giá Na cũng biến hiện khắp nơi trùng trùng vô tận ấy, luôn diễn nói chánh pháp.

- Số câu: “Mười là cùng với các vị Phật khác” tiếp xuống: Văn tự giải thích.

- Số câu: “Tuy nhiên, mười loại nêu trên, mỗi mỗi loại đều biến hiện khắp pháp giới: Là phần thứ ba (của đoạn d) nêu tổng kết. Do mười thứ nêu dẫn trên, hai thứ đầu có nói sự biến hiện khắp pháp giới. Từ mục thứ ba đến thứ mười đều lược bỏ điều ấy. Nay tổng kết thì nhắc lại.

- Số từ câu: “Nhưng nói về mười trụ” tiếp xuống: Là phần thứ tư (của đoạn d) giải thích chỗ vướng mắc. Tức là có người nêu vấn nạn: “Nếu ở cõi trời Đao Lợi giảng nói về pháp mười Trụ, đã biến hiện khắp hư không, đến khắp các cõi trên đầu sợi lông, thì chưa biết rõ nơi cõi trời Dạ Ma cũng giảng nói về mười Trụ hay chẳng? Giải sử như thế thì có lỗi gì? Cả hai trường hợp đều có lỗi: Nếu cõi kia không thuyết giảng thì nơi chốn được nêu giảng chẳng biến hiện khắp. Còn như ở cõi ấy cũng là chốn thuyết giảng, thì sẽ lẫn lộn. Vì sao trong kinh chỉ nói nơi cõi trời Đao Lợi thuyết giảng về mười Trụ, cõi trời Dạ Ma giảng nói

về thập Hạnh?” Do đấy, để thông suốt được vấn nạn này, trong phần giải đáp có ba: Trước là trả lời chung về câu hỏi trước, tiếp theo là khai thông lần nữa về vấn nạn thứ hai, sau là từ câu “Mỗi mỗi phẩm” tiếp xuống, là lấy một để đối chiếu cái còn lại.

Trong phần đầu (trả lời chung) tức nói đến “Môn Ẩn hiển”, nghĩa là khi một môn hiển bày thì các môn khác Ẩn khuất. Như lấy mười Trụ làm môn, thì chỉ nói về sự biến hiện khắp của mười Trụ, lấy thập Hạnh làm môn thì chỉ nêu rõ về chỗ biến hiện khắp của thập Hạnh v.v... Nên viết là “Vì các môn chẳng đồng”, mà cũng không có thể lẫn lộn.

- Sở câu: “Nếu theo mười Trụ... cho đến đây kia cùng có sự hỗ tương biến hiện khắp pháp giới”: Là khai thông lần thứ hai về vấn nạn lần nữa. Tức như lại có vấn nạn: “Nếu dựa theo chỗ “Vì các môn chẳng đồng” thì đó là sự hỗ tương để thấy hay chẳng có sự hỗ tương để thấy? Như cùng thấy thì trở lại thành lẫn lộn. Còn như chẳng cùng thấy thì do đâu mà biết là biến hiện khắp?”

Nay xin đáp câu hỏi ấy, nêu rõ chỗ có thấy chẳng thấy, nghĩa là, nếu dựa theo tính chất “Tương tức” thì chẳng cùng thấy. Còn như dựa theo tính chất “Tương nhập” thì thuận hợp với sự cùng thấy. Nói “Như theo mười Trụ cùng thập Hạnh v.v... toàn bộ các quả vị cùng thâm nhiếp lẫn nhau, thì đây kia cùng là không, đều biến hiện khắp pháp giới” đó là “cùng thập Hạnh v.v... toàn bộ các quả vị cùng thâm nhiếp lẫn nhau, thì đây kia cùng là không, đều biến hiện khắp pháp giới” đó là “Tương tức môn”. Nghĩa là nếu lấy mười trụ còn thu nhiếp đối với các quả vị khác, thì chỉ có mười trụ các quả khác như hư không, do các quả vị khác như mất đi, đã hòa hợp với mười Trụ. Các quả vị khác cũng vậy. Khi mười Trụ biến hiện khắp, thì chẳng phải là thập Hạnh v.v... biến hiện khắp, do đấy gọi là mỗi điều biến khắp pháp giới. Nói “Nếu dựa theo chỗ các quả vị cùng trợ giúp nhau, thì đây kia hỗ trợ thấy có, đồng biến hiện khắp pháp giới”, đó là “Tương nhập môn”. Do dựa theo lực dụng lại nương tựa vào nhau, không hủy hoại chính nó và cái khác, như hai tấm gương cùng soi chiếu lẫn nhau, lúc tấm gương phía đông di động, thì các hình ảnh nơi tấm gương phía tây cũng chuyển động. Đạt được sự cùng biến hiện khắp pháp giới mà có chủ, bạn, nên chẳng có sự lẫn lộn. Như mười Trụ làm môn, mang theo thập Hạnh v.v... cùng biến khắp pháp giới. Khi ấy chỉ gọi là mười trụ biến khắp, không gọi là thập Hạnh v.v... biến khắp. Nếu thập Hạnh v.v... làm môn thì cũng thế. Tức có lực, có thể thu nhiếp, là chủ. Không có diệu lực, bị thu nhiếp, là Bạn. Trong “Tương tức môn” ở trước, khi mười trụ chính thức biến

hiện khắp thì chẳng hề ngăn ngại các sự biến hiện khắp khác. Chỉ là Ẩn, hiển chẳng đồng thời. Khi mười Trụ biến hiện khắp, thì thập Hạnh v.v... liền Ẩn. Lúc thập Hạnh biến hiện khắp thì các quả vị khác liền Ẩn, cũng vậy.

Dựa vào “Tương tức môn”, cũng gọi là “Thuần môn”. Biến hiện cùng khắp pháp giới nhiều như số hạt bụi, sợi lông, thì chỉ có mười Trụ v.v...

Dựa theo “Tương nhập môn”, cũng gọi là “Tập môn”, do các quả vị một lúc cùng nương nhờ lẫn nhau mà biến hiện khắp, thì trong mười Trụ có thập Hạnh v.v... các nghĩa còn lại, đến phần “Nghĩa lý phân tề” sẽ biện giải rộng.

- Số từ câu: “Mười là cùng với Phật còn lại” tiếp xuống: Là phần thứ năm (của đoạn d), theo chỗ vấn nạn mà giải thích lần nữa, được chia làm hai: Trước là chính thức làm rõ chỗ cùng biến hiện khắp; Sau, từ câu “Nhưng chủ chủ” tiếp xuống: Là giải thích để khai thông chỗ vướng mắc do vấn nạn.

Trong phần trước, do chiều dọc (thời gian) tận cùng cả ba thời, chiều ngang (không gian) biến hiện khắp mười phương, diệu dụng nơi đức của chư Phật thuyết giảng pháp đều giống nhau. Cho nên kinh nêu: “Ba đời chư Phật đã giảng nói, đang giảng nói và sẽ giảng nói”. Trong bản Số giải nêu dẫn kinh: “Chư Phật của chúng ta cũng thuyết giảng như vậy”. Tức là luận theo không gian, chứng tỏ pháp là do Phật nói. Kinh Thập Địa có câu: “Ta chẳng thấy có thế giới của chư Phật, chư Như Lai ấy chẳng thuyết giảng pháp đó.” Tức là lời của Bồ tát Kim Cang Tạng nói pháp.

- Số từ câu: “Nhưng chủ chủ” tiếp xuống: Là đoạn hai, khai thông chỗ vướng mắc. Nghĩa là có người nêu vấn nạn: “Nơi chốn thuyết giảng của các đức Phật khác cùng với Phật Lô Giá Na, là cùng thấy hay chẳng cùng thấy? Thế thì dẫn tới lỗi gì? Cả hai cùng có lỗi: Tức là, nếu cùng thấy thì trái với tính chất cùng biến hiện khắp. Còn như chẳng cùng thấy thì trái với tương quan chủ bạn.” Nên để khai thông vấn nạn này, nghĩa là thấy cùng chẳng thấy, thì hai nghĩa điều thành tựu. Cả hai thấy lẫn nhau thì nghĩa chủ bạn thành tựu thấy và không thấy thì nghĩa biến khắp đều thành tựu. Song, mỗi thứ đều biến hiện và cùng biến hiện khắp nên khác nhau. Vấn đầy đủ có bốn câu:

Nói “Chủ chủ chẳng cùng thấy”, tức là, khi đức Tỳ Lô Giá Na là chủ, thì chư Phật còn lại trong mười phương chỉ được gọi là bạn, chẳng được gọi là chủ. Còn như các đức Phật khác là chủ, thì đức Tỳ Lô Giá

Na là bạn, chẳng được gọi là chủ. Cho nên nói là “Chủ chủ chẳng cùng thấy”.

Nói: “Bạn bạn chẳng cùng thấy”: Như khi chư Phật là bạn của đức Tỳ Lô Giá Na, thì Đức Tỳ Lô Giá Na lại chẳng được gọi là bạn, nên nói là “Bạn bạn chẳng cùng thấy”. Chứ chẳng phải nói chư Phật là bạn kia tự mình chẳng cùng thấy.

- Số câu: “Chủ bạn, bạn, chủ thì hỗ tương cùng thấy”: Tức là câu ba và câu bốn. Câu ba: “Chủ, bạn được cùng thấy”. Như đức Tỳ Lô Giá Na là chủ thấy các đức Phật khác là bạn, thì các đức Phật khác là bạn cũng thấy đức Tỳ Lô Giá Na.

Câu: “Bạn, chủ cùng thấy”: Như đức Tỳ Lô Giá Na là bạn, các đức Phật khác là chủ, thì đạt được sự cùng thấy.

Tuy nhiên, hai câu ba, bốn, nghĩa thì không khác, chỉ là dựa theo một nhân vật, cùng chung là chủ, bạn, nên thành ra bốn.

Nói “Là không lẫn lộn” là kết luận, vì sự khác biệt của môn. Nói “Cũng không có chương ngại” tức là theo tính chất luôn thâm tóm, dung hợp.

- Số từ câu: “Lại, mười xứ nêu trên” tiếp xuống: Là phần thứ sáu (của đoạn d) dung hợp chung về mười nghĩa. Được phân làm ba: Một là chính thức làm rõ tính chất dung thông của mười nghĩa. Hai là, từ câu “nhưng theo...” tiếp xuống Là đối với thời để làm rõ xứ. Ba là, từ câu: “Đây, cũng là dựa theo...” tiếp xuống: Là ba lược dẫn ra làm rõ chỗ thâm diệu. Nghĩa là mười lớp nêu trên chỉ là khí thế gian, chưa nói đến sự việc trong từng lỗ chân lông của Phật và của chúng sanh, mỗi mỗi thấy đều dẫn về trùng trùng vô tận.

Nói “Phổ Hiền, chúng sanh, mỗi mỗi đều như thế”: Tức Phổ Hiền nếu so với đức Như Lai, gọi là “Thế gian của chúng sanh”. Còn nếu so với chúng sanh thì được gọi là “Thế gian của bậc Trí Chánh giác”. Lại nữa, nêu Phổ Hiền tức là thâm nhiếp tất cả các Bồ tát.

DUYÊN THỨ BA: Dựa vào chủ (Y chủ): Văn của bản Sớ giải chia làm năm phần:

Một: Nêu rõ về đại ý.

Hai: Từ câu: “Nay nói kinh này” tiếp xuống: Giả nêu dẫn vấn nạn.

Ba: Từ câu: “Cho nên thuyết giảng kinh này” tiếp xuống: Thông tỏ về tướng chung.

Bốn: Từ câu: “Nay trước nêu rõ” tiếp xuống là chia chương giải thích riêng.

Năm: Từ câu: “Là biết hoặc nói” tiếp xuống: Dung hợp thông suốt các giáo pháp khác.

a) Nêu rõ đại ý: Nghĩa là đức Như Lai, chỉ một thân không bị chướng ngại, tùy theo căn cơ mà sự giảng dạy có khác.

- Sở câu: “Phàm chân thân mênh mộng bao trùm, cùng hợp với thể của pháp giới”: Nếu lấy pháp giới làm thân, pháp giới tức thân, thì chẳng nói hợp với thể. Nay, do trí không chướng ngại cùng với chân như hợp nhất một cách sâu xa, nên nói là hợp với Thể. Kinh Kim Quang Minh nói: “Chỉ như như cùng trí như như riêng tồn tại, tức lấy Trí như cùng làm chân thân. Trí đã hợp với như, thì khiến công đức của sắc tướng, không gì là không hợp với như”.

- Sở câu: “Bao la không gì ở ngoài, ngay đồng (tề) với dụng của nhân loài (vạn hóa).

Thể đã hợp với Như. Như thì không gì là không hiện hữu, không gì là không bao hàm, nên khiến thân Phật cũng không gì là không bao hàm. Muôn loài đồng đức, tức là cái dụng lớn của Pháp thân. Nhưng nói là ngang đồng (Tề), là do đức Như Lai đạt được thân ngang bằng lượng của tất cả các pháp, nên giả danh nói là “ngang đồng”. Hai nghĩa nêu trên làm rõ Thể Dụng của thân Phật là đồng với Thể Dụng của pháp giới. Cho nên hòa chung với muôn loài, tức chân thông hợp tinh thô làm một, viên dung không hề ngăn ngại. Phần Sở giải tiếp theo nêu rõ: “Tận cùng nơi nguồn cội chẳng là hai”. Nghĩa là nếu dựa vào gốc để thích ứng với ngọn, thì một nguồn có muôn ngàn phân nhánh. Nếu theo dòng chảy để dò tìm nguồn, thì ngàn đường không khác lối đi về. Như cái mênh mộng của ba dòng sông đều bắt nguồn từ nơi núi Mân.

Câu: “Chấp vương nơi dấu vết có nhiều mối” tức là dựa nơi gốc để thích ứng với ngọn, chẳng rõ nhiều mối là hình tích của sự ứng hóa.

- Sở câu: “Một thân, nhiều thân, Kinh Luận nói khác nhau”: Là nguyên do của việc khởi ra sự chấp vương nơi hình tích. Do trong kinh, Luận, giảng nói khác về một, nhiều. Kinh thuận nơi vật mà có giảng nói khác. Luận thì theo cái chung của kinh, người cũng theo giáo pháp mà chấp vương. Nếu biết rõ về nguồn, thì một, nhiều không hề ngăn ngại. Vì thế, nơi Phẩm Quang Minh Giác có câu:

*“Một thân là vô lượng
Vô lượng lại là một
Biết rõ các thế gian
Hiện hình khắp tất cả
Thân ấy không chốn theo*

*Cũng không chốn tích tụ
 Chúng sanh do phân biệt
 Thấy Phật vô số thân..."*

Tức là nói về nghĩa này.

- Nói "Thuyết giảng khác nhau": Tức hoặc nói chỉ một thân, như kinh này nêu rõ:

*"Chư Như Lai mười phương
 Đồng chung một Pháp thân
 Một tâm, một trí tuệ
 Lực vô úy cũng thế".*

Hoặc nói hai thân, như Luận Phật Địa nói: Một là Sanh thân hai là Pháp thân. Nghĩa là thật báo của Pháp thân đều gọi là Pháp thân, tức là công đức chân thật nơi pháp. Hóa thân, Báo thân khác đều gọi là sanh thân, tức là ứng hợp vật mà sanh khởi. Trong Luận Đại Trí Độ, ý cũng giống như ở đây.

Lại như Luận Bát-nhã nói có hai Phật: Một là Chân Phật, hai là phi Chân Phật. Phật thứ nhất là Pháp thân, Phật sau là Báo thân, Hóa thân. Nơi phần sau của kinh Hoa Nghiêm cũng nói nhiều về hai thân. Văn của kinh viết:

*"Chân thân của chư Phật vốn không hai
 Ứng vật phân hình khắp thế gian".*

Lại nói:

*"Phật lấy pháp làm thân
 Thanh tịnh như hư không
 Chỗ hiện các hình sắc
 Khiến nhập trong Pháp ấy".*

Hoặc phân làm ba thân: Tức Pháp thân, Báo thân, Hóa thân. Cũng nói là Pháp thân, Báo thân, Ứng thân, Ứng thân là Hóa thân.

Hoặc nói bốn thân, như Kinh Lăng Già nêu: Một là Ứng Hóa Phật, hai là Công Đức Phật, ba là Trí Tuệ Phật, bốn là Như Như Phật. Như vậy, Phật thứ nhất là Hóa thân, hai loại Phật tiếp theo là Báo thân, Phật sau cùng là Pháp thân. Kinh Kim Quang Minh lại nói có bốn loại: Một là Hóa thân phi Ứng Phật, nghĩa là vì chúng sanh nên hiện ra các hình tướng Rồng, quý v.v... chẳng phải là thân Phật, nên gọi là Hóa chẳng phải là Ứng. Hai là Ứng thân Phi Hóa Phật, tức là Bồ tát trước quả vị Địa, thấy được thân Phật, dựa vào định mà hiện, chẳng phải thân thuộc về năm cõi, nên gọi là Ứng chẳng phải là Hóa. Tức chỗ nhận thức của bốn thiện căn, một cõi đại Thiên có một Ứng thân. Ba là cũng Ứng

cũng Hóa, tức là chỗ thấy thân Phật của các Thanh-văn, thấy tướng do tu tập mà thành tựu, nên gọi là Ứng. Người thấy cũng cùng loại, nên gọi là Hóa. Bốn là, chẳng phải là Ứng chẳng phải là Hóa, tức là chân thân của Phật, ba loại trước đều là Hóa thân, một loại sau là hai thân: Pháp thân và Báo thân.

Trong Luận Phật Địa cũng nói có bốn: Một là Thọ dụng chẳng phải là biến hóa, tức là Tự Thọ Dụng thân. Hai là biến hóa chẳng phải là Thọ dụng, tức là Biến Hóa thân, là hóa thân nơi các loại trước quả vị Địa. Ba là cũng thọ dụng cũng biến hóa, tức là Tha Thọ Dụng thân, hóa thân nơi Bồ tát thập Địa. Bốn là, chẳng phải là thọ dụng, chẳng phải là biến hóa, đó là Pháp thân; đây tức như Kinh Kim Quang Minh đã nêu ở trước. Dựa trên ba thân để luận về bốn, hợp Pháp thân, Báo thân mà chia ra Hóa thân. Nay theo ba thân, cho là bốn, thì ba thân đều chia ra, lại chia ra lần nữa nơi Báo thân. Tuy có bốn nghĩa mà lý không trái với ba.

Hoặc nói có Năm thân, như kinh Đại Thông nêu: Nhưng đại sư Tăng Duệ, nơi sách Sở giải kinh Duy Ma giải thích: Năm thân là: Một là Pháp tánh sanh thân; Hai là Công Đức Pháp thân; Ba là Biến Hóa Pháp thân; Bốn là Hư Không Pháp thân; Năm là Thật Tướng Pháp thân. Cần biện giải để được thấu rõ. Tức một là Pháp thân, do đâu mà nói sanh ra? Là vì Pháp tánh là gốc, nên gọi: Pháp tánh Sanh thân. Hai là suy xét nơi nhân, chính là do Công đức tạo thành, nên gọi là công đức Pháp thân. Ba là, theo sự ứng hiện, thì không cảm là không hiện hình, nên đây là biến hóa Pháp thân. Bốn là, xứng hợp với cái lớn lao, tức bao trùm khắp Hư không, đó là hư không Pháp thân. Năm là, nói về sự vi diệu thì là vô tướng, vô vi, nên gọi là Thật Tướng Pháp thân. Diễn đạt theo chiều ngược lại, thì Năm là nêu lý do có được sự vi diệu hết mực, vô tướng, Bốn là sự lớn rộng bao trùm cả hư không. Ba là sự ứng biến khắp muôn loài, có cảm là có hiện hình tướng, tùy theo căn cơ mà nhận rõ. Do đâu mà có hình tướng của ba cõi? Là theo nghiệp mà ứng hóa, nên có muôn sự sai khác về tinh thô lớn nhỏ. Hai là Pháp thân của Như Lai, là quả của công đức vi diệu. Công đức vô biên thì Quả cũng vô biên. Công đức vô tướng thì quả cũng vô tướng. Công đức theo phương tiện thì Quả cũng theo phương tiện. Vô biên nên dung lượng ngang bằng với hư không. Vô tướng nên sự vi diệu đồng với thật tướng, vì phương tiện nên không cảm nào không hiện hình. Đó là Pháp thân chân diệu của Như Lai, chẳng phải là đối tượng thu tóm của ấm, giới, chẳng phải là có chẳng phải là không. Một là do có thân ấy, là gốc của muôn vật,

nên được ở trong ấy, không cảm nào không ứng. Như nơi ngôi nhà tối, ánh sáng mặt trời theo lỗ trống mà chiếu vào. Ánh sáng tuy có muôn sự khác biệt, mà gốc chỉ là một, đó chính là chân Pháp thân. Nếu rõ công đức, thật tướng gọi là Pháp thân, thì đấy mới lấy lý thâm diệu nơi pháp giả gọi là thân, chẳng phải chỗ gọi là màu sắc, hình tượng.

Ở đây đều là nghĩa của Năm thân. Nếu dùng Ba thân để thu tóm, thì hai thân đầu là Báo thân, một thân tiếp theo là Hóa thân, hai thân sau là Pháp thân.

Lại có chỗ nói về Chín thân, do Ba thân mỗi thứ đều có ba:

- Pháp thân có ba: Một là chân pháp giới dùng làm Pháp thân, vốn có ba cái lớn (Thể, Tướng, Dụng) nên là ba. Tu tập thành tựu là Báo thân, cùng với tâm đại bi làm Thể, gọi là Hóa thân.

- Báo thân có ba: Đối tượng chứng đắc Chân Trí, gọi là Pháp thân, Trí đức viên mãn tức là báo thân. Là chỗ hiện ra của thập Địa, đó là Hóa thân.

- Ứng thân có ba: Ứng hóa ắt có bản thể, tức là Pháp thân. Cho nên Kinh nói: “Ta nay, với thân này, tức là Pháp thân, thân thường trụ”. Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp kèm theo, do nhân tu mà thành tựu, tức là Báo thân. Cảm ứng nên hiện hình tướng tức là Hóa thân.

Hoặc nói có Mười thân. Có hai nghĩa:

Một là, theo chỗ chứng đắc của thập Địa mà có Mười thân. Như Kinh Thắng Thiên Vương nêu: Một là Bình đẳng thân. Hai là Thanh tịnh thân. Ba là Vô tận thân. Bốn là Thiệt tu thân. Năm là Pháp tánh thân. Sáu là Ly tầm tử thân. Bảy là Bất tư nghị thân. Tám là Tịch tĩnh thân. Chín là Hư không thân. Mười là Diệu trí thân.

Hai là theo thân Phật như nêu trên, tự gồm đủ mười thân, tức như phần tiếp theo sẽ biện minh. Cho nên văn của bản Số giải viết: “Một thân, nhiều thân, Kinh, Luận thuyết giảng khác nhau.” Lược chỉ ra nghĩa khác nhau mà không dẫn nhiều văn.

b) Sở từ câu: “Nay nói Kinh này Phật là chân là ứng, là một là nhiều” tiếp xuống: Là phần thứ hai (của duyên thứ ba: Dựa vào chủ). Giả nêu dẫn vấn nạn. Được chia làm hai: Trước là nêu vấn nạn, Sau từ câu: “Nếu nói về chân” tiếp xuống: Là trưng bày ra vấn nạn.

Phần trước có hai đôi, đã bao hàm các nghĩa trước sau.

Trong phần trưng bày ra vấn nạn, thì trước nêu vấn nạn về Chân, Ứng, sau nêu vấn nạn về một, nhiều. Nêu vấn nạn về Chân, Ứng có ba chi tiết: Một là theo tên gọi, Hai là theo xứ, Ba là theo căn cơ.

- Nói “Là một, là nhiều” tức là phần hai (sau) vấn nạn về một,

nhiều. Nói “Nhiều xứ hiện riêng”. Như nơi phẩm Quang Minh Giác nói: “Như ở nơi xứ này, thấy Phật Thế Tôn, an tọa nơi tòa sư tử, thuộc Liên Hoa Tạng, với số lượng Bồ tát nhiều như số hạt bụi trong mười cõi Phật, cùng vây quanh. Trong mỗi mỗi thế giới ấy, đều có trăm ức cõi Diêm-phù-đề, trăm ức Như Lai, trăm ức cõi Phật, cũng có sự an tọa như vậy...” lại nói:

*“Như nơi xứ này thấy Phật ngồi
Trong hết thủy trần cũng như thế
Thân Phật không đến cũng không đi
Mỗi quốc độ có đều hiện rõ.”*

- Sở câu: “Do đâu lại nói, nhưng chẳng phân thân”: Phẩm Xuất Hiện nêu:

*“Ví như Phạm vương ở cung mình
Hiện khắp Tam thiên các xứ Phạm
Hết thấy trời người cùng được thấy
Thật chẳng phân thân hướng nơi kia
Chư Phật hiện thân cũng như vậy
Tất cả mười phương đều hiện khắp
Thân ấy vô số chẳng thể nêu
Cũng chẳng phân thân, chẳng phân biệt”.*

c) Sở từ câu: “Cho nên nói kinh này, Phật đều chẳng phải là đã nói như trước” tiếp xuống: Là phần thứ ba, thông tỏ về tướng chung, phần này gồm hai chi tiết: Trước là ngăn chặn điều sai trái. Sau, từ câu “Tức là pháp giới vô tận thân vân” tiếp xuống: Là làm hiển lộ nghĩa đúng. Nơi chi tiết sau gồm ba ý: Một là làm sáng rõ tướng của Tổng tướng. Hai là đối với vấn nạn để dung hợp. Ba là, tóm kết về sự khó nghĩ bàn.

- Sở Từ câu: “Chân, Ứng cùng dung hợp, một nhiều không ngăn ngại” tiếp xuống: Là ý thứ hai (của chi tiết sau) đối với vấn nạn để dung hợp. Được phân làm hai: Hai câu trước là nêu lên cả cặp. Sau từ câu: “Tức Lô Giá Na là Thích Ca” tiếp xuống: Là giải thích cả đôi. Phần giải thích này cũng gồm hai: Trước là giải thích về Chân, Ứng, Sau là giải thích về một, nhiều. Giải thích về Chân, Ứng có hai: Một là, hai câu ấy chỉ giải thích về Chân, Ứng, chung cho đoạn trước dựa theo tên gọi mà nêu vấn nạn. Nghĩa là các giáo pháp khác, cho đức Tỳ Lô Giá Na là Chân, Phật Thích Ca là Ứng. Cho nên kinh có câu: “Pháp thân thanh tịnh là Phật Tỳ Lô Giá Na. Ngàn trăm ức Hóa thân là Phật Thích Ca Mâu Ni”. Nay đã là tương tức, nên nêu rõ Chân, Ứng là cùng dung hợp,

Phẩm Danh Hiệu viết: “Hoặc gọi là Tỳ Lô Giá Na, hoặc xưng là Thích Ca Mâu Ni, chỉ là khác nhau về tên gọi”. Lại như trong phẩm Hoa Tạng nêu rõ: “Nơi lớp thứ mười ba có thế giới tên là Sa Bà, đức Phật ở thế giới ấy tức là Tỳ Lô Giá Na”. Cho nên biết là dung hợp.

- Sở câu: “Thường ở nơi xứ ấy, cũng gồm chung cả phần trước, theo xứ để nêu vấn nạn, nghĩa là luôn ở nơi xứ ấy tức là xứ khác, xa tại phương khác, là luôn trụ ở đấy”: Là Phần hai (giải thích về Chân, Ứng) có hai đôi: chính thức biện minh về Chân, Ứng, gồm luôn cả việc làm hiển lộ một nhiều, mà bao hàm cả đôi về thân, cõi. Ở trước theo xứ để nêu vấn nạn, thì đầu tiên cũng nêu Chân, Ứng để giải thích. Do theo Ứng nên ở nơi đây, theo Chân nên biến hiện khắp pháp giới.

Kinh nói:

*“Thân Phật đầy khắp nơi pháp giới
Hiện rõ trước hết thấy chúng sanh
Theo duyên hợp cảm đều hiện hữu
Mà luôn ở tòa Bồ-đề ấy”.*

Câu một là Chân. Ba câu còn lại là Ứng. Câu thứ tư là luôn ở tại xứ này, ba câu kia là xứ khác.

Nói “Gồm luôn cả việc làm hiển lộ một, nhiều”, tức ở nơi xứ này là một ở nơi xứ khác là nhiều. Như chẳng ra khỏi một xứ mà biến khắp hết thấy các xứ. Ở nơi tòa Bồ-đề ấy là một. Hiện ra khắp trước mọi chúng sanh là nhiều. Nói “bao hàm cả thân cõi”: xứ ấy tức là cõi Sa Bà, xứ khác tức gồm cõi Hoa Tạng.

- Sở từ câu: “Thân chẳng phân khác, cũng chẳng phải là một” tiếp xuống: Là phần sau, giải thích về một, nhiều. “Thân chẳng phân khác nên chẳng phải là nhiều, nhiều chẳng ngăn ngại một. “Cũng chẳng phải là một” nên tuy là một mà một không gây trở ngại cho nhiều. Ở trên chỉ giải thích về một, nhiều.

- Sở câu: “Đồng thời khác xứ, một thân viên mãn, đều hiện đầy đủ”: Là chính thức giải thích một nhiều, gồm luôn cả Chân, Ứng.

Nói “Một nhiều” là do từ một thân mà ứng hiện toàn khắp, nên chẳng phải là một, chẳng phải là nhiều. Một thân ứng hiện nhiều, nên một không ngăn ngại nhiều. Ứng hiện nhiều mà luôn là một, nên nhiều không ngăn ngại một. Như trên đã dẫn:

*“Một thân là vô lượng
Vô lượng lại là một
Biết rõ các thế gian
Hiện mình khắp tất cả...”*

Lại nói:

*“Chỉ một thân kiên mật
Trong hết thủy trần hiện”*

Phẩm Xuất Hiện nói: “Như Lai ở nơi một thân thành bậc Chánh giác, ứng hiện khắp với tất cả chúng sanh vô số thân”. Thành bậc Chánh giác, mà nói “Đồng thời khác xứ”, tức là nếu khác thời khác xứ thì có thể chấp nhận một thân lần lượt biến hiện khắp. Nay nêu rõ đồng thời khác xứ thì quyết phải là nhiều thân, nhưng đó là từ một thân ứng hiện ra toàn khắp, nên chẳng phải là nhiều. Cũng giống như một mặt trăng trong một sát na, cùng hiện nơi trăm dòng sông, đều “Tức là một tức là nhiều”. Lại nữa, ứng hiện khắp nên chẳng phải là một. Một mặt trăng nên chẳng phải là nhiều. Kệ tán của Bồ tát Trí Tràng nêu:

*“Vị như trăng tròn trong
Hiện khắp thủy dòng nước
Bóng hình tuy vô lượng
Trăng gốc chưa từng hai”.*

Trong phần Sở giải phẩm Quang Minh Giác dưới đây sẽ nêu rõ có đồng thời đồng xứ thấy, khác thời khác xứ thấy, đồng thời khác xứ thấy, khác thời đồng xứ thấy, đồng khác thời xứ với một người thấy trong tức khác v.v...

Nói “Gồm luôn cả Chân, Ứng”, tức “Một thân viên mãn” là Chân thân, đều hiện ra toàn khắp, tức là Ứng thân. Lại nói “Ứng hiện toàn khắp” là chẳng phải hiện ra từng phần. Còn nói “Hiện ra từng phần”, như nơi một thân hiện ra nhiều đầu, trong mỗi đầu có Phật. Lưng thì hiện ra Tiên nhân v.v... tức là hiện ra từng phần.

Nay gọi là “Hiện ra đầy đủ, toàn khắp” tức là thân Phật ấy, là tất cả thân, là các loại thân, toàn thể thân Bồ tát là thân Phật v.v...

- Sở câu: “Tất cả các Bồ tát chẳng thể suy lường”: Là Ý thứ ba (của chi tiết sau thuộc phần “Thông tỏ về tướng chung”), tóm kết về sự khó nghĩ bàn. Gồm cả việc đối trước dựa theo người để nêu vấn nạn. Bồ tát hãy còn chẳng thể suy lường, huống hồ là người, trời có thể thấy sao? Do lìa tâm duyên tướng, nên trong hai mươi mốt thứ công đức, có “Thân chẳng thể lường tính”. Quyển thứ tám mươi kinh Hoa Nghiêm viết:

*“Pháp thân thanh tịnh, diệu, Như Lai
Hết thủy ba cõi không gì sánh
Vượt khỏi mọi ngôn ngữ thế gian
Tánh ấy chẳng có cũng chẳng không*

*Tuy chẳng chốn nương mà trụ khắp
Tuy đến khắp nẻo mà chẳng đi
Như trong không trung chỗ thấy mộng
Nên nơi thể Phật quán như vậy”.*

Do chẳng phải là Chân, chẳng phải là Ứng, chẳng phải là một, chẳng phải là nhiều, nên chẳng thể tạo sự tự duy về Chân, Ứng, một nhiều.

Phẩm Quang Minh Giác nêu:

*“Thân Phật không sanh, vượt hý luận
Chẳng phải pháp tích tụ sai biệt”.*

Nên khó suy lường. Lại nói:

*“Không nhiễm, không vướng chấp
Không tướng, không nương tựa
Thể tánh chẳng thể lường
Kẻ thấy đều khen ngợi”.*

Văn nêu dẫn chẳng phải là một. Đã nói Bồ tát chẳng có thể suy lường thì rõ thấy chính là cảnh giới của Phật.

d) Số từ câu: “Nay trước biện minh về mười thân, sau làm rõ tính chất vô ngại” tiếp xuống: Là phần thứ bốn (của Duyên thứ ba: y chủ) chia chương giải thích. Được phân làm ba:

Một: Hai câu trên là nêu ra.

Hai: Từ câu: “Gọi mười thân” tiếp xuống: Là giải thích.

Ba: Từ câu: “Do thân mây này” tiếp xuống: Là tổng kết về sự biến hiện khắp.

- Số câu: “Làm rõ rộng khắp về tướng ấy, như nơi địa thứ tám cùng phẩm Ly Thế Gian đã biện giải”: Như trong địa thứ tám nêu rõ, mười thân nêu trước mỗi thân đều có mười tướng. Mười thân của nghĩa thứ hai, tức là mười tướng của thân Như Lai, là thân thứ bảy trong mười thân đã nêu ở trước (thân bất tư nghị). Nay hiện rõ tính chất cùng tạo tác nơi mười thân đã nêu ấy. Nghĩa là tùy theo chỗ ưa thích nơi tâm chúng sanh, mà có thể lấy thân chúng sanh làm tự thân, làm thân quốc độ, thân nghiệp báo, thân Thanh-vấn, thân Duyên-giác, thân Bồ tát, thân Như Lai, thân Trí Tuệ, thân Pháp tánh, thân hư không, như đã nêu trong phần bàn về “Giáo Tích” ở trên, cùng giải thích rõ về mỗi mỗi phần, và cả nơi văn dưới đây.

Nói “Nơi phẩm Ly Thế Gian”, tức trong quyển thứ năm mươi ba kinh Hoa Nghiêm có nói đến mười Phật. Tức mười thân của nghĩa thứ hai đã nêu ở trước, nhưng về tên gọi thì có khác nhau một ít, ở đây

(trong kinh) cũng đã giải thích rõ. Mười Phật là: Thành Chánh giác Phật, Nguyên Phật, Nghiệp báo Phật, Trụ trì Phật, Niết-bàn Phật, pháp giới Phật, Tâm Phật, Tam muội Phật, Bản Tánh Phật và Tùy lạc Phật.

Trong quyển thứ năm mươi tám, lại nêu rõ có mười loại thấy Phật, tức là thấy mười Phật nêu trước. Văn của kinh viết: “Đó là an trụ nơi thế gian thấy. Thành Chánh giác Phật. Không vươngng chấp thấy Nguyên Phật ra đời thấy Nghiệp báo Phật. Tin tưởng sâu xa thấy Trụ trì Phật. Tùy thuận thì thấy Niết-bàn Phật. Hội nhập thâm diệu thì thấy pháp giới Phật khắp đến mọi xứ thấy tâm Phật. An trí thấy Tam muội Phật. Không suy lường, không nương tựa thì thấy Bản tánh Phật. Thông tỏ thì thấy Tùy lạc Phật. Nhận thấy khắp mà không chấp trước v.v... Lại có mười nghĩa, đến phần dưới sẽ biện minh.

- Số câu: “Trong tất cả “Trần” cũng như thế” (vân vân) Văn nêu dẫn chẳng phải là một”: Vân vân (đẳng) là chỉ cho hai câu tiếp theo”:

*“Thân Phật không đến cũng không đi
Nơi mọi quốc độ đều hiện rõ”.*

Đây tức là quyển thứ năm, kệ của Bồ tát Phổ Hiền.

Nói “Văn ấy chẳng phải là một” tức là có khắp nơi trong kinh.

Như nơi quyển thứ sáu nói:

*“Phật Tỳ Lô Giá Na
Nguyên lực khắp pháp giới
Trong hết thủy quốc độ
Luôn chuyển Pháp Vô thượng”.*

Lại nêu:

*“Trong mỗi mỗi hạt bụi
Chứng đắc tất cả pháp
Như thế không ngăn ngại
Đến khắp mười phương cõi”.*

Lại nói:

*“Phật nói một Diệu âm
Mười phương cõi cùng nghe
Các âm thấy đầy đủ
Mưa pháp đều tuôn khắp”.*

Các diệu dụng như thế là vô lượng vô biên. Như hoặc hiện sự giữ gìn sinh mạng, hiện các oai nghi, hoặc hiện đủ tám tướng, hoặc hiện hình tướng của ba Thừa, hoặc hiện hình tướng của năm nẻo, hoặc hiện cảnh giới của sáu trần. Danh hiệu khác biệt, sự tác động nơi dụng phức tạp chẳng thể nêu bày, mọi nẻo vi tế của pháp giới không đâu là không

hiện hữu, nên gọi là “Dụng biến hiện khắp”.

- Sở câu: “Hai là tướng biến hiện không ngăn ngại. Nghĩa là ở trong cái Dụng với những sai biệt như đã nêu trên, thấy đều thấu tóm tất cả dụng của nghiệp”. Như trên đã biện minh về việc hiện ra sự gìn giữ thân mạng, các oai nghi đi đứng nằm ngồi. Phẩm Bát Tư Nghị viết: “Như Lai một khi an tọa thọ thực xong, ngồi kiết già chẳng động, biến hiện khắp mười phương, trải qua hết thủy kiếp”. Nay nêu rõ, tức ở trong chỗ an tọa ấy, liền có đủ đi, đứng nằm. Lại như trước nói hiện đủ tám tướng cùng biến khắp, như thần rừng nơi Vườn Lâm Tỳ Ni, đã nói về sự thọ sanh của Như Lai: “Này Thiện Nam! Nên biết, tôi thấy Phật ở nơi bốn cõi thiên hạ này, trong vườn hoa Lâm Tỳ Ni thuộc cõi Diêm-phù-đề, thị hiện việc mới sanh ra với vô số sự thần biến, cũng thấy đức Như Lai, ở nơi cõi Tam thiên đại thiên thế giới với trăm ức bốn cõi thiên hạ, trong vườn hoa Lâm Tỳ Ni thuộc cõi Diêm-phù-đề, thị hiện việc mới sanh ra với vô số sự thần biến. Cũng thấy nơi Tam thiên đại thiên thế giới, trong mỗi mỗi hạt bụi có vô lượng cõi Phật, cho đến tất cả thế giới trong mười phương, nơi mỗi mỗi hạt bụi có vô lượng cõi Phật, ở trong tất cả cõi Phật như thế, đều có đức Như Lai, thị hiện việc mới sanh ra với vô số sự thần biến”. Niệm niệm luôn không gián đoạn như vậy chỉ là sự biến hiện khắp của một lớp. Nay, ở đây biện minh là trong mỗi mỗi tướng đều có đủ tám tướng. Như nơi quyển thứ ba mươi một kinh Hoa Nghiêm có đoạn:

“Bồ tát ở trong thai mẹ, tự tại thị hiện tất cả chúng hội nơi đạo tràng pháp giới hết mực đầy đủ, vi diệu. Bồ tát ở trong thai mẹ, thị hiện tất cả thần lực của Phật hết sức đầy đủ, vi diệu”. Lại như nơi phẩm Ly Thế Gian nói: “Này Phật tử! Bồ-tát Ma-ha-tát, có mười thứ hết mực sâu xa vi diệu. Đó là một ở trong thai mẹ, thị hiện việc mới phát tâm Bồ-đề cho đến khi được pháp Quán Đỉnh. Hai là ở trong thai mẹ, thị hiện việc ở nơi cõi Trời Đâu Suất. Ba là ở trong thai mẹ thì hiện việc mới sanh ra. Bốn là ở trong thai mẹ thị hiện lúc là Đồng Tử. Năm là ở trong thai mẹ thị hiện khi ở vương cung. Sáu là ở trong thai mẹ thị hiện việc xuất gia. Bảy là ở trong thai mẹ thị hiện việc tu khổ hạnh, đi tới đạo tràng thành bậc Chánh giác. Tám là ở trong thai mẹ thị hiện việc chuyển Pháp luân. Chín là ở trong thai mẹ thị hiện việc Bát Niết-bàn. Mười là ở trong thai mẹ thị hiện việc vô cùng vi diệu, lớn lao, đó là tất cả các hạnh của Bồ tát, tất cả thần lực tự tại của Như Lai, với vô lượng môn sai biệt. Này Phật tử! Đấy là Bồ tát Ma-ha-tát, ở trong thai mẹ, có đủ mười thứ vô cùng sâu xa vi diệu”. Giải thích: Trong một tướng là trong thai mẹ đều

có đủ tám tướng. Muôn đức được viên mãn ở đấy, nên gọi là “Tướng biến hiện khắp. Lại như trên chỉ ra ba Thừa, thì nay chỉ rõ một thừa vốn đủ ba thừa; trên chỉ ra năm đường thì nay cho thấy nơi một đường có đủ năm đường. Cứ lần lượt nêu ra thì có thể nhận biết.

- Số câu: “Ba là, diệu dụng của sự tịch tĩnh không ngăn ngại, không do nẻo riêng tư mà thành”: Nếu dùng theo nghĩa làm hiển lộ thì nên dùng chữ Tư của Tư duy. Nay dùng chữ Tư của không riêng tư là để biểu thị cho sự không thiên vị, cũng là do “Không dụng tâm (vô tâm)” đối với vật. Luôn ở nơi Tam muội là tịch tĩnh. Không hề có giới hạn trong việc đem lại lợi ích cho muôn loài là Dụng. “Tức Định tức Dụng” nên gọi là vô ngại. Cũng như ngọc Ma Ni và trống trời không dụng tâm mà mưa xuống các vật báu và phát ra âm thanh. Phẩm Bất Tư Nghì có câu: “Tất cả chư Phật, ở trong một niệm, đều có thể thị hiện hết thấy chư Phật trong ba đời, giáo hóa hết thấy chúng sanh, mà không xa rời pháp Tam muội vắng lặng của chư Phật. Đó là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật”. Lại như quyển thứ nhất viết: “Thân tướng biến hiện khắp mười phương mà không hề có đi, đến”. Quyển thứ ba có đoạn:

*“Cảnh giới Như Lai chẳng thể lường
Tĩnh lặng mà diễn khắp mười phương”.*

Quyển thứ tư, lời kệ tán của Địa thần, nói:

*“Tam-ma-địa tịch tĩnh, rộng lớn
Chẳng sanh, chẳng diệt, không đến đi
Nghiêm tịnh cõi nước, dẫn chúng sanh
Thần Thọ Hoa ấy được giải thoát”.*

- Số câu: “Bốn là nương tựa đầy khởi không ngăn ngại, không dụng tâm liền hiện ra tức khắc, là diệu lực của pháp Tam muội Hải Ấn”: Nghĩa là tuy tịch tĩnh, hoạt dụng, không tâm, mà chẳng vướng mắc, đều dựa vào diệu lực của pháp Tam muội Hải Ấn. Lại, chính dựa vào định tức là khởi dụng. Phẩm Hiền Thủ viết:

*“Hoặc hiện hình đồng nam đồng nữ
Trời rồng cùng hàng A-tu-la
Cho đến hàng Ma-hầu-la-già
Tùy theo chúng thích đều cho thấy Hình
tướng chúng sanh đều chẳng đồng Tạo
nghiệp âm thanh cũng vô lượng Như
thế tất cả đều hiện đủ
Do thần lực Tam muội Hải Ấn”.*

- Số câu: “Năm là Chân, Ứng không ngăn ngại. Ứng tức là bình

đẳng cùng một vị của pháp”: Tức là “Thích Ca, Giá Na không là hai Phật, Ta nay thân này là Pháp thân”. Quyển thứ năm kinh Hoa Nghiêm nói:

*“Chân như bình đẳng thân vô tướng
Pháp thân lia cấu, sáng thanh tịnh
Thân trí tuệ tịch tĩnh vô lượng
Ứng hiện khắp mười phương nói pháp”.*

Lại nói:

*“Chân thân Như Lai vốn không hai
Ứng vật, phân hình khắp thế gian...”*

Phẩm Quang Minh Giác viết:

*“Như Lai chẳng lấy tướng làm Thể
Chỉ có pháp Vô tướng tịch diệt
Thân tướng oai nghi thấy gồm đủ
Thế gian tùy chuộng đều được thấy”.*

- Sở câu: “Sáu là từng phần toàn thể không ngăn ngại”: Chi phần không ngăn ngại đối với toàn thân, toàn thân không gây trở ngại đối với chi phần. Tức là nơi mỗi mỗi phần thân của Phật Giá Na, tay chân tai mắt cho tới một sợi lông đều có đủ toàn thân của Phật Giá Na. Phẩm Pháp Giới nêu:

*“Nơi mỗi mỗi chân lông Như Lai
Chư Phật vô số cõi an tọa”.*

Phẩm Diệu Nghiêm viết:

*“Tất cả tướng thân Phật
Thấy hiện vô lượng Phật
Nhập khắp mười phương cõi
Trong mỗi mỗi hạt bụi”.*

Do thể tánh của một sợi lông không khác với toàn thân. Phẩm Xuất Hiện nói: “Này Phật tử! Bồ-tát Ma-ha-tát nên biết là trong một lỗ chân lông của Như Lai có tất cả chúng sanh vô lượng bằng với thân chư Phật. Vì sao? Là vì, thân thành bậc Chánh giác của Như Lai, rốt ráo là không sanh diệt. Như một lỗ chân lông biến hiện khắp pháp giới, thì hết thấy mọi lỗ chân lông đều cùng như vậy. Lại như về mắt của Như Lai đều biến hiện khắp pháp giới. Nếu từng phần và toàn thể khác nhau, từng phần đã có nhiều, nên có nhiều thứ pháp giới hợp thành một thân. Do từng phần và toàn thể không ngăn ngại, nên khi một biến hiện khắp thì tất cả biến hiện khắp. Lại nữa, trong phẩm pháp giới, nơi các lỗ chân lông cùng các chi phần của Bồ tát Phổ Hiền cũng như thế.

- Sở câu: “Bấy là nhân quả không ngăn ngại, nên không ngăn ngại việc hiện rõ các nhân” Tức là nơi mỗi mỗi lỗ chân lông đều hiện ra từ thân của đức Tỳ Giá Na, với các bản sinh xa xưa, thực hành hạnh Bồ tát, thân tướng được nhận lấy cùng mọi sự việc đã làm; cũng hiện ra “Vô số vô lượng thân” (thân vân*) của tất cả Bồ tát trong mười phương. Và như nơi phần kinh tiếp dưới, từ chặn giữa lông mày phát ra âm thanh thù thắng, cùng số lượng Bồ tát nhiều như hạt bụi.

Lại như nơi quyển thứ nhất, kinh Hoa Nghiêm, nói: “Chư Phật trong ba đời với mọi thân biến hiện có, ở trong ánh hào quang không ai là không cùng thấy”.

Quyển thứ năm có đoạn:

*“Phật do nguyện gốc hiện thân thông
Hết thấy mười phương đều soi chiếu
Như thời xa xưa Phật tu tập
Trong lưới hào quang đều diễn nói”.*

Quyển thứ sáu nêu rõ:

*“Trong mỗi mỗi thân Phật
Ức kiếp chẳng nghĩ bàn
Tu tập Ba-la-mật
Cùng nghiêm tịnh cõi nước”.*

Văn được nêu dẫn như vậy xuất xứ là rất nhiều.

- Sở câu: “Tám là y chánh không ngăn ngại”: Như đã giải thích trong phần nói về nhân ở trên. Lại nữa, thân vân ấy tức tạo nên tất cả khí thế gian. Cho nên kinh nêu: “Hoặc tạo ra nhật nguyệt hiện nơi hư không. Hoặc tạo ra sông hồ suối giếng đầy nước. Lại có khi tạo ra đất nước, hoặc lại tạo ra gió lửa. Tính chất “Tương nhập tương tức” nơi sáu câu đầu đều đã được giải thích như trước.

- Sở câu: “Chín là sự hội nhập sâu kín không ngăn ngại”: Văn được chia làm hai: Trước là nêu chương, Sau: Từ câu: “Đi vào cõi chúng sanh” tiếp xuống: Là giải thích. Trong phần giải thích có hai nghĩa:

Nêu rõ việc Phật đi vào chúng sanh.

Hai là: Từ câu “Lại cũng thâm tóm...” tiếp xuống: Là nêu rõ việc chúng sanh hội nhập nơi Phật. Nhưng cả hai, chúng sanh đều chẳng biết, nên gọi là “Hội nhập sâu kín”.

Nay, bàn về phần đầu, có ba: Câu thứ nhất là chính thức giải thích. Tiếp theo từ câu: “Như Lai Tạng” tiếp xuống: Như Lai nêu dẫn ví dụ. Sau, từ câu “Cho nên nơi phẩm Xuất Hiện” tiếp xuống: Là dẫn chứng. Trong phần nêu thí dụ: Nêu chân tâm của chúng sanh gọi là Như

Lai Tạng. Do duyên theo vô minh v.v... tạo nên các loài chúng sanh lưu chuyển nơi ba cõi. Nhưng tự tánh của chân tâm ấy không hề mất. Cho nên kinh Thắng Man có câu: “Chẳng nhiễm mà nhiễm là khó có thể thông tỏ. Nhiễm mà chẳng nhiễm cũng khó có thể thông tỏ”.

Nếu chuyển để cho dụ được rõ, thì cũng như nước nơi biển lớn, do gió mà thành sóng. Nhưng sóng không mất đi tánh ẩm ướt của nước. Phật cũng như thế. Tùy theo chỗ cảm của chúng sanh mà hiện ra muôn ngàn thứ hình tướng sai khác, nhưng tự tánh của thân Như Lai không hề mất. Đây là lấy Pháp thân tự có nơi chúng sanh làm chính chúng sanh, dụ cho chân tâm của Như Lai đi vào tất cả chúng sanh.

- Sở từ câu: “Cho nên nơi phẩm Xuất Hiện: Tiếp xuống là dẫn chứng. Có hai câu văn dẫn chứng. Câu đầu: “Trí của Phật hội nhập sâu kín nơi tâm chúng sanh”: Đây là lấy Trí thân dẫn chứng chung cho thân Phật. thân Phật tùy thuận giáo hóa, xuất xứ của văn nêu dẫn rất nhiều. Nay chỉ chọn lấy nghĩa “Hội nhập sâu kín”, nên dẫn nơi phẩm Xuất Hiện. Đoạn kinh ấy viết: “Vị như nước nơi biển lớn ngấm chảy khắp trong lòng đất nơi bốn cõi thiên hạ cùng tám mươi ức các châu nhỏ khác. Như có người khơi đào lên thì đều có được nước. Nhưng biển lớn kia chẳng hề có sự phân biệt là mình đã tạo ra nước ấy”. Kết hợp với nơi biển trí tuệ của Phật lại cũng như vậy. Giải thích cho việc hội nhập trong tâm của tất cả chúng sanh: Tức là như các chúng sanh, quan sát cảnh giới, theo Pháp môn để tu tập, thì sẽ đạt được trí tuệ thanh tịnh, sáng tỏ. Nhưng trí tuệ của Như Lai luôn thể hiện sự bình đẳng, không hai, không có sự phân biệt, chỉ tùy theo nẻo hành nơi tâm của chúng sanh khác nhau, nên chỗ trí tuệ đạt được ấy thấy thấy không giống nhau. Nay chỗ dẫn chứng chính là chọn lấy nghĩa “Thâm nhập sâu kín”.

- Sở câu: “Lại nói, trong tâm của chúng sanh có Phật thành bậc Chánh giác”: cũng là nơi phẩm Xuất Hiện, Văn đã dẫn ở trước.

- Sở từ câu: “Lại cũng thâm tóm” tiếp xuống: Ở trên biện giải về sự hội nhập sâu kín, Phật đi vào thân tâm chúng sanh, mà chúng sanh không biết. Nay nêu rõ về sự thâm tóm cái khác. Chính khi thâm tóm cái khác thì không ngăn ngại đối với việc hội nhập cái khác. Cho nên gọi là không ngăn ngại.

- Sở câu: “Mười là viên thông ngăn ngại”: Văn được chia Làm hai: Trước là biện minh riêng, Sau là tổng kết.

Biện minh riêng. Do đức Phật Tỳ Lô Giá Na dung thông với pháp giới lớn rộng, để làm thân tướng ấy nên không gì là không “Tức là”, chẳng phải đợi hiện thân mới gọi là “Tức sự”. Do thể của pháp giới

không gì là không bao gồm, không gì là không “Tức là”, nên thân Phật cũng thế. Nếu nhấn mạnh nơi cái riêng của tướng mà nói, thì sắc tướng của thân Phật tức sự, hoàn toàn đồng với Pháp thân tức Lý.

“Tức một, tức nhiều” thì có hai nghĩa: Một là: Pháp thân là Một, Ứng thân, Hóa thân là nhiều. Mà Chân, Ứng đã dung thông nên là “Tương tức”. Hai là: Một xứ này ứng thì nhiều xứ ứng, cũng là do tính chất dung thông của Thể. Lại nữa, tức một ấy ứng thì nhiều cũng ứng, Phẩm Quang Minh Giác viết:

*“Một thân là vô lượng
Vô lượng lại là một
Thông tỏ các thế gian
Hiện hình khắp tất cả
Thân ấy không chốn theo
Cũng không chốn tích tụ
Chúng sanh do phân biệt
Thấy Phật vô số thân”.*

“Tức y tức chánh” là: cũng có hai nghĩa. Một là: Do thân Pháp tánh và quốc độ dung hợp không hai. Hai là: có thân quốc độ, tức y. có thân Trí Tuệ, thân thành Chánh giác, tức chánh.

“Tức là người” tức người thành tựu do chứng đắc pháp.

“Tức Pháp” Tức là Phật lấy Pháp làm thân.

Tức đây tức kia: chẳng lìa cây Bồ-đề mà biến hiện khắp tất cả xứ. Cũng đã chẳng rời nơi tất cả xứ mà an toạ nơi cây Bồ-đề. Cho nên có thể nói là “Tức đây tức kia”. Hai nghĩa ấy có chút ít khác nhau. Đây, kia “Tương tức” là đồng. Lại như nói “Tức Phật đây là Phật khác”, thì “Khác” cũng là “đây”.

“Tức Hữu tình”: Là vì khác với cây, đá.

“Tức chẳng phải hữu tình”: Là đồng với tánh của sắc, tạo nên sông hồ v.v... chẳng phải hữu tình tức là Thể của Phật, mọi uẩn, giới, nhập đều như hư không.

“Tức sâu tức rộng”: Không hình, dứt tướng nên là sâu. Dung lượng không gì là không bao gồm nên là rộng. Lại nữa, dung lượng đồng với hư không, nên rộng, lìa tướng không nên sâu. Phẩm Văn Minh nói:

*“Cảnh giới Như Lai sâu
Dung lượng như hư không
Tất cả chúng sanh vào
Mà thật không chốn vào”.*

Phẩm Xuất Hiện nói: “Ví như hư không biến hiện khắp” đến... “tất

cả xứ sắc, phi sắc”. “Hết thấy Như Lai cũng lại như thế” là rộng. “Phi đến phi chẳng đến” là sâu. Lại, như hư không rộng lớn, không phải sắc, mà có thể hiển hiện tất cả các sắc v.v... tức gồm cả sâu, rộng.

Phẩm Diệu Nghiêm viết:

*“Thân Phật hiện khắp các hội lớn
Đầy cả pháp giới không cùng tận”.*

Là rộng.

“Tĩnh lặng mọi tánh đều giữ lấy” là sâu.

“Vi cứu thế gian mà xuất hiện” là gồm cả sâu, rộng.

“Tức nhân tức quả”: Nhân không khác với nhân của quả. Quả không khác với quả của nhân. Cho nên trong mười thân có thân Như Lai, thân Bồ tát.

“Tức ba thân, tức mười thân”:

- Nếu cho thân Phật nêu trên là mười thân, thì thân Bồ-đề, thân Nguyện, thân Ứng hóa, thân Lực trì, thân Ý sanh tức trong ba thân được gồm thân nơi Hóa thân.

Thân Tướng hảo, thân Uy thế, thân Phước đức, thì nghĩa chung cho Báo thân và Hóa thân. Pháp thân tức là Pháp thân. thân Trí Tuệ thì nghĩa chung cho ba thân. Còn lại chỉ riêng cho Báo thân. Cho nên “Tức ba là mười”, tức mười là ba.

- Nếu theo sự dung hợp ba thứ thế gian là Mười thân, thì “Tức Ba thân” là: Thân Như Lai chung Ba thân. thân Trí Tuệ cũng chung Ba thân. Pháp thân và thân Hư không tức là Pháp thân. Sáu thân còn lại là chung cho Pháp thân, Hóa thân. Pháp thân là Thể, nên tùy theo muôn loài mà ứng hiện quốc độ v.v...

- Số câu: “Vô số vô lượng thân (thân vân) cùng với pháp giới là đồng nhất, không ngăn ngại”: Là phần Sau (của “mười là viên thông không ngăn ngại”) tức tổng kết về sự hoàn thành. Tức lấy pháp giới không chướng ngại làm Thể, bao hàm bốn thứ pháp giới kia, thì nơi chốn nào mà không gồm đủ, chẳng gì là “chẳng tức”, chưa có một pháp nào chẳng phải là thân Phật.

- Số “Do vô số vô lượng thân ấy biến hiện khắp, nên ở nơi thời, xứ trước luôn thuyết giảng Hoa Nghiêm”: Là phần thứ ba (của phần bốn d) nơi duyên thứ ba Ý chủ): Tổng kết về tính chất biến hiện khắp chốn.

Từ trước (tức từ câu): Nay, trước biện minh về mười thân, sau làm rõ tính chất vô ngại) đến nay là phần thứ tư (của mục dựa vào chủ) chia chương giải thích xong.

e) Số câu: “Cái biết ấy hoặc nói Báo thân ở nơi cõi Sắc Cứu cánh,

là theo sự thấu tóm về Báo thân mà nói” tiếp xuống: Là phần thứ năm (phần năm của duyên thứ ba: Y chủ) dung hợp thông suốt các giáo pháp khác. Văn của phần này được chia làm ba: Một là lãnh hội riêng, hai là nêu tóm tắt về sự sai trái, ba là chọn lựa tránh sự lạm dụng.

- Lãnh hội riêng: Lược nêu có năm văn (văn nơi năm kinh, luận khác):

Một là lãnh hội văn của Luận Khởi Tín, Duy Thức: Luận Khởi Tín nói: “Lại nữa, Bồ tát ấy công đức thành tựu viên mãn, ở nơi xứ Sắc Cứu cánh, thị hiện thân tướng hết sức to lớn, hơn tất cả các thế gian. Nghĩa là dùng một niệm tương ứng với trí tuệ, vô minh liền dứt sạch, gọi là “Nhất thiết chủng trí”, tự nhiên mà có, là sự tạo tác chẳng thể nghĩ bàn, có thể hiện khắp mười phương để đem lại lợi ích cho chúng sanh”.

Hòa Thượng Tịnh, (đại sư Hiền Thủ trong sách “Đại thừa Khởi Tín Luận nghĩa ký”) đã dẫn Địa Luận để giải thích: Một là lợi ích của phước báo nơi hiện tại, thọ nhận quả vị Phật. Hai là lợi ích của phước báo về sau, nơi chốn của trí phát sanh là cõi trời Ma Hê Thủ La Đại Tự Tại Thiên tự hỏi: Do đâu mà “Báo thân tha thọ dụng” lại ở nơi cõi trời này? Một nghĩa cho rằng: Do ký báo nơi mười vị Thiên Vương, đã hiển lộ thập Địa. Nhưng địa thứ mười thì nhờ ở vị Thiên Vương hiện tại đó, tức ở nơi thân của cõi trời kia (cõi Đại Tự Tại Thiên) thị hiện thành tựu đạo quả Bồ-đề. Vậy nên ở nơi cõi trời ấy. Các nghĩa khác như sẽ được nêu bày rõ. Sách “Thiên Cung Sao” (Thiên Cung là tên hiệu của đại sư Tuệ Uy 634-713) giải thích các nghĩa khác, cho rằng: “Nghĩa thứ hai, tức bốn trí viên mãn”. Theo Duy Thức thì tức là Thật Báo, thành Phật. Đây là sự hiện thân cao lớn, tức “Tha thọ dụng”. Duy Thức vì dẫn thấu tóm cả hai Thừa, khiến biết nơi cội cây Bồ-đề chẳng phải là Báo thân, mà chỉ gọi đấy là thật báo. Phần Sơ giải: Nay cũng dựa vào ý của hai văn, cùng văn nơi Kinh Thập Địa để có sự thông tỏ. Cho nên gọi là “Theo sự thấu tóm về Báo thân mà nói”.

- Sơ câu: “Hoặc nói Báo thân ở nơi cõi tịnh khác, theo sự thấu tóm, nêu dẫn mà nói”: Là lược thứ hai, lãnh hội văn của kinh Niết-Bàn kinh Ưng Quật Ma La. Kinh Niết-Bàn, quyển thứ hai mươi bốn, phẩm Cao Quý Đức Vương Bồ tát, nêu rõ trong mười thứ công đức, nơi công đức thứ tư, Bồ tát Cao Quý Đức Vương nêu vấn nạn: “Như có Bồ tát tu tập Pháp đại Niết-Bàn, thấy đều tạo được mười thứ công đức như vậy. Vậy do đâu Như Lai chỉ tu tập chín thứ, không tu tịnh độ?” Phật đáp tu đầy đủ như trong Kinh đoạn cuối nói: “Này Thiện nam! Về phương Tây, cách xa thế giới Sa Bà, trải qua bốn mươi hai hàng hà sa quốc độ

của chư Phật, có thế giới tên là Vô Thắng. Vì sao cõi ấy được gọi là Vô Thắng? Là vì cõi đó có đủ mọi sự trang nghiêm, thấy đều bình đẳng không sai biệt cũng như thế giới An Lạc ở phương Tây, thế giới Mãn Nguyên ở phương Đông. Ta ở chính cõi ấy xuất hiện nơi thế gian, là để giáo hóa chúng sanh, nên ở trong châu Diêm-phù-đề thuộc thế giới ấy, hiện ra việc chuyển Pháp luân. Chẳng phải chỉ mỗi thân ta, riêng ở trong cõi ấy thị hiện việc chuyển Pháp luân; mà tất cả chư Phật cũng đều ở trong cõi đó chuyển Pháp luân. Do ý nghĩa như vậy, nên chư Phật Thế Tôn, chẳng phải là không tu tập mười thứ như thế. Nay Thiện nam! Bồ tát Từ Thị, do thế nguyện, nên vào đời vị lai, sẽ khiến cho thế giới này trở nên thanh tịnh, trang nghiêm. Do ý nghĩa ấy, nên hết thấy chư Phật, với thế giới hiện có, thấy đều được trang nghiêm, thanh tịnh.”

Giải thích: “Đã nói vì để giáo hóa chúng sanh, nên ở nơi châu Diêm-phù-đề này, quốc độ Vô Thắng, là ta tạo sự trang nghiêm, thanh tịnh, chỉ rõ Báo thân ở cõi Tịnh khác.

Nói về kinh Ưng Quạt Ma La, thì văn của kinh hơi rộng nhiều, nay lược dẫn nghĩa, như phần Phật trả lời Ưng Quạt: “Ta trụ nơi cõi vô sanh, mà ông thì chẳng biết chẳng rõ”. Ưng Quạt hỏi: “Nếu trụ nơi cõi vô sanh thì sao lại sanh ở cõi này?” Phật trả lời: “Nơi phương Đông có đức Phật, ông nên đến đấy mà hỏi, đức Phật ấy sẽ vì ông mà giảng nói”. Ưng Quạt cùng với Bồ tát Văn-Thù đồng đi tới cõi ấy hỏi, đức Phật đáp: “Phật Thích Ca kia tức là thân Ta”. Ý chính là nêu rõ Phật trong các cõi tịnh khác đều đã chứng nhập nơi cõi vô sanh, nay sanh ở thế giới Sa-bà là hóa hiện mà thôi. Cho nên nói là: “Ở nơi cõi tịnh khác”. Nhưng Văn của bản Sở giải cho là: “Theo sự thâm tóm, nêu dẫn mà nói”, không nói thế giới Hoa Tạng trang nghiêm, thanh tịnh, cùng biến khắp pháp giới với các cõi như lưới báu Đế Thích; không nói thân này hiện hữu đầy khắp pháp giới; mà nói ở nơi phương Đông v.v... rõ ràng là tùy chỗ thích hợp mà thâm tóm, nêu dẫn, khiến cho chúng sanh nơi thế giới Sa-bà uế tạp xấu ác dốc sức tu tập theo hạnh tịnh độ.

- Sở câu: “Hoặc nói đức Xá Na an tọa trên đóa hoa sen ngàn cánh, là thâm tóm hai địa mà nói” Là lượt thứ ba, lãnh hội văn của kinh Phạm Võng. Đoạn kinh ấy viết:

*“Ta nay Lô Xá Na
An tọa đài hoa sen
Vòng khắp trên ngàn hoa
Lại hiện ngàn Thích Ca
Một hoa, trăm ức nước*

Một nước, một Thích Ca...

Tức cho trên đài hoa sen, Lô Xá Na là nguồn gốc. Ngàn cánh hoa Thích Ca lại là Đại Hóa. Một Thích Ca lại có trăm ức, mới chỉ là tiểu hóa. Cũng không nói thân ấy hiện hữu khắp tất cả thế gian. Đài hoa sen của Bồ tát Phổ Hiền có số cánh hoa chẳng thể nêu bày, dung lượng trùm khắp pháp giới. Đài hoa của Bồ tát thập Địa, dung lượng hãy còn bằng trăm vạn tam thiên đại thiên thế giới, huống hồ là Như Lai. Biết rõ đây cũng là thân tha thọ dụng. “Thâu tóm hai địa”, là do giới pháp của hai Địa đã đạt sự viên mãn, nên nhân đây mà nói về giới pháp. Do Địa thứ nhất hóa trăm cõi Phật, tức có đóa hoa trăm cánh. Địa thứ hai hóa một ngàn cõi Phật, nên đóa hoa có một ngàn cánh. Như đến Địa thứ Ba thì đài hoa gồm vạn cánh; Địa thứ tư thì ức cánh; Địa thứ năm là ngàn ức; Địa thứ sáu là trăm ngàn ức; Địa thứ bảy là vạn ức na do tha. Địa thứ tám là số lượng nhiều như hạt bụi nơi trăm vạn Tam thiên đại thiên thế giới. Địa thứ Chín, số lượng nhiều như số hạt bụi trong trăm ngàn vạn ức a-tăng-kỳ quốc độ. Địa thứ mười, số lượng nhiều như số hạt bụi trong trăm ngàn ức na-do-tha cõi Phật chẳng thể nêu bày. Căn cứ nơi thập Địa nêu trên, thì trăm vạn cõi Tam thiên hãy còn là nói tóm lược. Cho nên biết chưa phải là đã hiện bày tận cùng nơi Chân thân.

- Sở câu: “Hoặc nói đạt đến Địa thứ nhất mới thấy, là theo căn cơ thù thắng mà nói”: Tức là lược thứ tư, thông tỏ về thân tha thọ dụng. Căn cơ bước vào quả Địa (đẳng Địa) là căn cơ thù thắng rồi! Trước là nhấn mạnh riêng về hai Địa. Nay thì nhấn mạnh chung cả thập Địa.

- Sở câu: “Hoặc phân làm ba thứ khác biệt, theo thể, tướng, dụng mà nói”: Là lược thứ năm, thông tỏ về ba thân, như nêu bày một cách rõ, thì Pháp thân là theo Thể, Báo thân là theo Tướng, Hóa thân là theo Dụng. Nhưng Luận Khởi Tín thì xác lập nghĩa từng phần, cho rằng: gọi là nghĩa tức có ba thứ: Một là Thể lớn: Nghĩa là hết thấy Pháp là chân như, bình đẳng, không tăng giảm. Hai là Tướng lớn: Tức là Như Lai Tạng gồm đủ vô lượng tánh công đức. Ba là Dụng lớn: Tức có thể làm phát sinh tất cả nhân thiện quả thiện nơi thế gian và xuất thế gian.

Đại sư Hiền Thủ, giải thích về Tướng lớn, nói: “Trong hai thứ Tạng thì chỉ lấy Như Lai Tạng Bất không. Về Dụng lớn, tức là tùy nơi nghiệp thù thắng. Nếu theo dụng lớn của Tự Thể, tức hai thân Báo thân, Hóa thân. Nếu theo dụng của sự thô, tế, thì khiến cho các chúng sanh, đầu tiên thành tựu pháp thiện thế gian, sau cùng là thành tựu pháp thiện xuất thế gian.”

Giải thích: Dựa theo sự giảng giải ấy, thì Thể lớn, Tướng lớn đều

gọi là Pháp thân, do tánh công đức vốn tự có. Còn Dụng tức là Báo thân, Hóa thân. Cũng là dựa vào ba cái lớn mà nói. Nếu đều phối hợp thì cái thứ nhất (tướng) phải do tạng của Bất không tu tập thành tựu mới hiển bày, là chân báo, nên Báo thân ở trong Dụng lớn, là Tha Thọ Dụng, vì hiển bày tính chất vượt trội hơn nên thẳng gọi là Báo. Còn như theo căn cơ của hàng bước vào quả thì cũng là Hóa thân.

- Số câu: “Đều chẳng phải là nghĩa chân thật của kinh này”: Nêu tóm tắt về chỗ sai trái: Do mười thân dung hợp viên mãn là nghĩa thật.

- Số từ câu: “Ví như phần ba mươi...” tiếp xuống; Chọn lựa, tránh sự lạm dụng. Thế nào là chọn lựa? Tướng thô theo giáo pháp mà nói, thì Ba thân là Quyền, Mười thân là Thật. Nếu chẳng rõ Ba thân là Mười thân, thì chẳng rõ sự dung hợp đã nêu ở trước. Ngoài Quyền lập Thật nên làm mất tông chỉ của kinh.

DUYÊN THỨ TƯ: Dựa vào Tam muội:

Văn của phần Số giải được chia Làm hai:

- Xác lập lý, chính thức biện minh.

- Đối văn để giải thích tóm lược.

a) Thứ nhất: Xác lập lý, chính thức biện minh: Trước là hiển bày cái riêng, sau là kết luận về sự thành tựu: Đầu giữa cuối nơi mười Trụ.

- Số Nêu rõ về ý của việc nhập định, tóm tắt có sáu nghĩa:

Một là: Tam muội ấy là thể của pháp, là ý của Luận Thập Địa.

Hai là: Không chứng đắc thì không thuyết giảng. Nếu chứng mà thuyết giảng, tức là tâm hành theo nẻo sanh diệt mà nói về pháp Thật tướng.

Ba là: Hiển bày tổng quát về thể của pháp, chẳng phải là cảnh giới của sự tư duy, lường tính. Nêu rõ phải “quên tâm” thì mới khế hợp với nghĩa nêu trên. Trước là theo nghĩa hiển bày cái thật, còn đây là theo cách ngăn chặn lỗi lầm. Nhưng ba nghĩa nêu trên, thì cái sau của phần sau làm rõ đối với cái trước của phần trước. Đại thể là đồng nhưng tỉ mỉ tiết thì có sai khác.

Bốn là: Xem căn cơ, xét kỹ giáo pháp, thuốc chữa và bệnh phải tương đương thì mới có thể thuyết giảng.

Năm là: Thọ nhận sự gia hộ của Phật, nên bốn nghĩa nêu trên là nhân trong, còn đây là một duyên ngoài, nhân duyên hòa hợp thì mới có thể thuyết giảng.

Sáu là: Đã thành phép tắc, tức toàn bộ là nhằm để hóa độ chúng sanh. Năm nghĩa trên là tự lợi, còn đây là lợi tha.

Nay Số giải gồm đủ cả sáu nghĩa. Hai câu của phần đầu là xác lập

lý của tổng tướng: chẳng phải chỉ nhập định mới là vì để hóa độ chúng sanh, mà xuất định cũng vậy. Thấy thuận hợp xuất thì xuất, thấy thuận hợp nhập thì nhập. Cho nên gọi là “chỉ vì độ chúng sanh”. Bậc Thánh không có định, loạn, nên viết là: “Thánh há như thế sao!”. Kinh Tịnh Danh nói: “Chẳng định chẳng loạn”.

- Sở từ câu: “Chỉ rõ phép tắc cho hàng đệ tử đi sau” tiếp xuống: Hiểu bày riêng về ý, đây là ý thứ sáu đã nêu.

- Sở câu: “Nêu rõ là sắp có sự thuyết giảng ắt phải làm vắng lặng gương sáng nơi lý trước” (minh tương hữu thuyết tất tu tĩnh gián tiền lý). Tĩnh (*) là lìa nẻo tư duy, lường tính. Giám (*) là chứng nhập thể của các Pháp. “Tĩnh giám tiền lý” là xem căn cơ, xét kỹ giáo Pháp. Chử tiền (*) là gồm cả căn cơ. “Phật gia hộ” thì có thể nhận biết.

Câu “Từ nơi định xuất ra mà bắt đầu giảng nói” tiếp xuống: biện-minh cho nghĩa: Không chứng đắc thì không thuyết giảng. Cũng là làm rõ chung cho cái dụng thù thắng của sáu nghĩa nêu trước.

- Sở từ câu: “Nên ở nơi các pháp hội” tiếp xuống: Là đoạn sau (của phần thứ nhất) kết luận về sự thành tựu. Chín hội thuyết giảng kinh thì có tám hội nhập Tam-muội. Hội thứ hai không nhập, nên văn viết là “nhiều” (Đa minh nhập định: Thấy rõ nhiều lần nhập định).

Hội thứ nhất: Bồ tát Phổ Hiền nhập Tam-muội Tỳ Lô Giá Na Như Lai Tạng thân.

Hội thứ ba: Bồ tát Pháp Tuệ nhập Tam-muội Bồ tát vô lượng Phương Tiện.

Hội thứ tư: Bồ tát Công Đức Lâm nhập Tam muội Trí Quang.

Hội thứ năm: Bồ tát Kim cương Tràng Nhập Tam muội Trí Quang.

Hội thứ sáu: Bồ tát Kim Cương Tạng nhập Tam muội Bồ tát đại Trí Tuệ Quang Minh.

Hội thứ bảy: Đức Như Lai tự an trụ nơi Tam muội Sát Na Tế.

Hội thứ tám: Bồ tát Phổ Hiền Nhập Tam muội Phật Hoa Nghiêm.

Hội thứ chín: Đức Như Lai tự nhập Tam muội Sư Tử Tần thân.

Hội thứ hai không nhập Tam muội là do chưa hội nhập nơi quả vị. Có ý kiến cho rằng do văn đã để sót, mất. Thuyết giảng về Pháp thế gian hãy còn nhập định, hướng hồ là nói về mười Tín. Nếu theo chỗ biểu thị thì nghĩa trước không mất.

b) Sở từ câu: “Có trường hợp chẳng nhập” tiếp xuống: Là phần thứ hai: Đối văn để giải thích tóm lược.

Nghĩa của việc chẳng nhập Tam muội như vừa nêu. Câu “Đối

tượng của sự nhập định ấy” là hiển bày cái thù thắng vượt hơn chỗ thua kém. Do nơi quả vị hơn kém nên chỗ nhập định không đồng. Nhờ Người, Pháp đều thù thắng, nên nơi mỗi mỗi pháp Tam muội đều đạt tới tận cùng nơi nguồn cội của pháp, chẳng phải như lúc nhập Sơ Thiền thì không nhập Nhị Thiền, Tam Thiền v.v... Do đạt tới chỗ tận cùng cội nguồn các pháp nên đều cảm được chư Phật gia hộ cho ba nghiệp.

